TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 6 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lâm Ngọc Hà**
2. Ông **Nguyễn Văn Liêm**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Quốc Thanh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 19/6/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2017/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXX-ST, ngày18/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978,

Địa chỉ: Số 19, ấp T, xã M, huyện C, Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh Hồ N**, sinh năm 1977,

Địa chỉ: số 19, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh Hồ N sống chung với nhau và không đăng ký kết theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, bà và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Thị Đông T, sinh ngày 12/12/1997 và Nguyễn Thanh Nam B, sinh ngày 12/02/2000, hiện nay đang sống chung với bà. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N thường hay rượu chè, không chí thú lo làm ăn, mỗi khi có rượu, thì ông N thường hay chửi mắng và bạo hành bà, từ đó bà cảm thấy không thể hàn gắn lại được. Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu tòa án nhân dân huyện Châu Thành không công nhận giữa bà và ông Nguyễn Thanh Hồ N là vợ chồng.

Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thị Đông T, sinh ngày 12/12/1997 và Nguyễn Thanh Nam B, sinh ngày 12/02/2000 đã trưởng thành, nên bà tròn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên bà và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đối với ông Nguyễn Thanh Hồ N là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật và yêu cầu của đương sự:

[2] Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa bà và ông Nguyễn Thanh Hồ N là vợ chồng, về con chung có 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp ly hôn của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*".

[3] Hội đồng xét xử xét thấy thực trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa bà T và ông N xác lập quan hệ vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là không hợp pháp, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T là không công nhận giữa bà T và ông N là quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thị Đông T, sinh ngày 12/12/1997 và Nguyễn Thanh Nam B, sinh ngày 12/02/2000 đã trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên bà T và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại Khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Áp dụng khoản 1, Điều 9; khoản 1, Điều 14; Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Thanh Hồ N.

1.1. Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thị Đông T, sinh ngày 12/12/1997 và Nguyễn Thanh Nam B, sinh ngày 12/02/2000 đã trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.2. Về tài sản chung, nợ chung: Không có bà T và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001168, ngày 19/3/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bán án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngay nhận được bán án hoặc bản án được niểm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Viện Kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã Thiện Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nhẫn